TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2024
V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Lê Thị Phước Mãng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc: "vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Thái Khải Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: G C, USA; Tạm trú tại: C Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2- Bị đơn: Bà Hồ Phát Trung D, sinh năm 1982; Địa chỉ: 3 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai, nguyên đơn ông Thái Khải Q trình bày:

Ông Thái Khải Q và bà Hồ Phát Trung D tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2009 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3870 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2009).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, nhưng sau đó cả hai cũng cố gắng hòa giải để cải thiện quan hệ tình cảm nhưng không có kết

quả. Sau đó, ông Q ra nước ngoài sinh sống thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, do đó vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông Q nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Q xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác nhận không có.

Bị đơn bà Hồ Phát Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Thái Khải Q và bà Hồ Phát Trung D có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa thuận, mặc dù cả hai cũng có cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà D.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông Q và bà D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Q tự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q tự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo qui định.

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Thái Khải Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù, bà Hồ Phát Trung D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà D đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Thái Khải Q và bà Hồ Phát Trung D yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng bà D không đến tòa án nên hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự không thỏa thuận được về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Đồng thời, ông Q vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên sẽ chuyển thành vụ án ly hôn và việc giải quyết vụ án được thực hiện theo thủ tục chung như quy định tại Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đây là "vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Hồ Phát Trung D cư trú tại địa chỉ 3 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Ông Thái Khải Q và bà Hồ Phát Trung D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 3870 ngày 14/12/2009, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Q và bà D là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ khi vợ chồng sống chung với nhau, hạnh phúc chỉ thời gian ngắn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, cả hai cùng hòa giải và gia đình cũng khuyên nhủ nhưng không có kết quả, do đó tình cảm giữa ông Q và bà D đã không còn. Chính vì vậy, cũng vào năm chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, do đó vợ chồng cũng đã sống ly thân và mặc dù vậy vợ chồng vẫn cố hàn gắn hạnh phúc nhưng cũng không thành.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập xét xử để tạo điều kiện cho ông Q và bà D hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng bà D đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ bà D không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng, đồng thời không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cố tình để mặc ông Q tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà D đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà D, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông Q xác nhận không có, bà D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác nhận không có, bà D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Q phải chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Thái Khải Q được ly hôn với bà Hồ Phát Trung D.

- Về con chung: Ông Thái Khải Q xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái Khải Q xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Thái Khải Q phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009830 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, ông Thái Khải Q đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 3870, cấp ngày 14/12/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Nam